| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN IA GRAI**<br>**TỈNH GIA LAI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 16/2017/DS-ST
Ngày: 28-9-2017
*"V/v tranh chấp kiện đòi lại tiền và yêu cầu buộc công khai xin lỗi"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN IA GRAI, TỈNH GIA LAI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Lê Văn Đính;

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Bà Nguyễn Thị Mý;

2. Bà Nguyễn Thị Lan;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thái Nam – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà***: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2017 về việc "Tranh chấp kiện đòi lại tiền và yêu cầu buộc công khai xin lỗi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-DS, ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Theo giấy ủy quyền ngày 30-5-2017): Ông Phạm Thiên T; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn N, xã Ia T, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Minh H; Địa chỉ nơi cư trú: Tổ dân phố S, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị C; Địa chỉ nơi cư trú: Thôn M, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 23-3-2017 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị N và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị N có nhờ ông Nguyễn Minh H đứng ra làm thủ tục chia tài sản thừa kế của chồng bà N là ông Nguyễn Đăng T, cho bà N và con trai của bà N là cháu Nguyễn Đăng C. Ông H có viết đơn kiến nghị tranh chấp đất đai với bà Lương Thị C là mẹ ruột ông Nguyễn Đăng T và nói bà N ký vào giấy đề ngày 14-01-2017. Đến ngày 17-01-2017, ông H lập Giấy ủy quyền với nội dung là ông H thay mặt bà N thực hiện các công việc theo như Giấy ủy quyền và bà N đã giao cho ông H số tiền là 10.000.000 đồng. Ông H nói bà N nộp đơn kiến nghị tranh chấp đất đai tại Ủy ban nhân dân thị trấn K ngày 19-01-2017. Đến ngày 16-02-2017, Ủy ban nhân dân thị trấn K đã hòa giải nhưng không thành. Đến ngày 17-02-2017, ông H nói bà N ký tiếp vào Đơn khởi kiện để ông H nộp cho Tòa án nhân dân huyện G. Do không hiểu biết về pháp luật, nên bà N ký, chứ thực ra mục đích của bà N là yêu cầu chia tài sản thừa kế của chồng bà N để lại cho bà N và con trai của bà N, chứ không có ý định khởi kiện bà Lương Thị C. Ông H đã lợi dụng sự không hiểu biết pháp luật của bà N để xúi giục bà N ký vào đơn khởi kiện bà Lương Thị C, khiến mẹ chồng và gia đình chồng căm ghét bà N, làm tổn hại nhân cách, tình cảm của bà N trong mối quan hệ với gia đình. Bà N chỉ nhờ ông H đứng ra làm thủ tục để chia thừa kế theo quy định của pháp luật, nhưng ông H lại làm đơn khởi kiện bà Lương Thị C là trái với ý muốn của bà N.

Sau nhiều lần bà N yêu cầu ông H rút đơn khởi kiện tại Tòa án, nhưng ông H không rút, nên ngày 02-3-2017 bà N đã đến Tòa án nhân dân huyện G để rút đơn và yêu cầu ông H hủy giấy ủy quyền nhưng ông H không thực hiện. Ngày 10-3-2017, bà N đã đề nghị Văn phòng công chứng Dương Thùy Trang hủy bỏ toàn bộ Giấy ủy quyền số 51, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 17-01-2017. Đối với nội dung Giấy ủy quyền giữa bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Minh H có nhiều điểm bất hợp lý là không có quy định rõ ràng kết quả giải quyết vụ việc liên quan quyền lợi đến bà N để làm căn cứ thanh toán tiền thù lao, vì bà N không có hiểu biết về pháp luật nên bà N mới ký vào Giấy ủy quyền, gây bất lợi cho quyền lợi của bà N. Do đó, bà N yêu cầu ông Nguyễn Minh H phải trả lại cho bà N số tiền 10.000.000 đồng là số tiền thù lao theo giấy ủy quyền giữa bà N và ông H. Đồng thời, bà N yêu cầu ông H phải công khai xin lỗi bà Lương Thị C vì bà N cho rằng ông H đã gây tổn thất về tinh thần, tình cảm giữa bà N và bà C.

2. Tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Minh H trình bày:

Tháng 12 năm 2016, bà Nguyễn Thị N có thỏa thuận với ông Nguyễn Minh H về việc bà N ủy quyền cho ông H để giải quyết việc tranh chấp chia thừa kế di sản của chồng bà N là ông Nguyễn Đăng T. Ngày 17-01-2017, giữa bà N và ông H có ký hợp đồng ủy quyền tại Văn Phòng Công chứng Dương Thùy Trang với nội dung

là bà N ủy quyền cho ông H thay mặt bà N nộp đơn khởi kiện, tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp về việc bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Đăng T. Mục đích của việc lập giấy ủy quyền này là để có căn cứ pháp lý khi ông H thay mặt cho bà N tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp nên các bên thống nhất ghi trong hợp đồng ủy quyền là không có thù lao. Cũng ngay sau đó, giữa ông H và bà N cũng lập một hợp đồng ủy quyền khác để hai bên thực hiện việc thỏa thuận về việc bà N ủy quyền cho ông H thay mặt bà Nga tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp, trong nội dung hợp đồng này thể hiện việc ủy quyền là có thù lao và bà N đã giao cho ông H số tiền là 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Tại Hợp đồng này cũng đã ghi rõ nếu bên ủy quyền tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không được bên nhận ủy quyền đồng ý thì sẽ không được nhận lại bất cứ khoản thù lao nào đã trả cho bên nhận ủy quyền và việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo hợp đồng này chứ không phải giấy ủy quyền được công chứng. Hơn nữa, ông H cũng đã thực hiện đúng công việc được ủy quyền như tư vấn cho bà N về trình tự, thủ tục, các quy định của pháp luật liên quan đến việc chia di sản thừa kế, đã tiến hành các công việc để yêu cầu hòa giải, soạn thảo và nộp đơn khởi kiện theo yêu cầu bà N. Đến tháng 3-2017, giữa bà N và ông H cũng đã bàn bạc, thống nhất việc bà N rút đơn khởi kiện và bà N cũng không yêu cầu nhận lại số tiền thù lao đã trả cho ông H. Ngày 10-3-2017, bà N cũng là người tự ý đi công chứng hủy giấy ủy quyền mà không được sự đồng ý của ông H. Như vậy, bà N là người vi phạm hợp đồng ủy quyền đã được hai bên thống nhất ký kết nên ông H không chấp nhận việc bà N yêu cầu ông H phải trả lại số tiền thù lao đã nhận là 10.000.000 đồng.

Đối với việc bà N yêu cầu ông H phải công khai xin lỗi bà Lương Thị C, ông H thấy rằng bản thân ông H đã thực hiện công việc được ủy quyền đúng quy định của pháp luật, không có hành vi gì làm ảnh hưởng đến tình cảm giữa bà N với bà C và ông H cũng không có hành vi gì làm ảnh hưởng đến uy tín, danh dự, nhân phẩm của bà C nên ông H không chấp nhận.

3. Tại Bản tự khai ngày 25-4-2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị C trình bày:

Bà Lương Thị C có con tên là Nguyễn Đăng T. Năm 2013, ông T kết hôn với bà N và có con chung là Nguyễn Đăng C. Đến ngày 15-7-2016, ông T chết không để lại di chúc. Sau đó bà N có khởi kiện yêu cầu chia thừa kế phần di sản của ông T và bà N cũng đã rút đơn khởi kiện. Đối với việc bà N khởi kiện tranh chấp đòi lại tiền và buộc ông H công khai xin lỗi bà C thì bà C thấy rằng tranh chấp này không liên quan gì đến bà C nên bà C không tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

4. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Đơn khởi kiện đề ngày 23-3-2017; Chứng minh nhân dân bà Nguyễn Thị N (bản sao); Sổ hộ khẩu Nguyễn Đăng T (bản sao); Đơn khởi kiện ngày 17-02-2017 của bà Nguyễn Thị N (bản photo); Đơn kiến nghị tranh chấp đất đai ngày 14-01-2017 của bà Nguyễn Thị N (bản photo); Văn bản hủy giấy ủy quyền ngày 10-3-2017 (bản photo); Giấy ủy quyền đề ngày 17-01-2017 (bản photo); Đơn đề nghị miễn tiền tạm ứng án phí ngày 11-4-2017 của bà Nguyễn Thị N (bản gốc); Giấy ủy quyền ngày 30-5-2017 (bản gốc); Bị đơn đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ: Giấy ủy quyền ngày 17-01-2017 (bản gốc); Giấy ủy quyền không thể hiện ngày tháng (bản gốc); Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã giao nộp cho Tòa án những tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai ngày 25-4-2017 của bà Lương Thị C (bản gốc);

5. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện tranh chấp kiện đòi lại tiền của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Minh H công khai xin lỗi bà Lương Thị C, Hội đồng xét xử thấy rằng, bà C khẳng định tranh chấp giữ bà N và ông H không liên quan đến bà C, bà C cũng không yêu cầu ông H phải xin lỗi công khai và việc Tòa án đã thụ lý yêu cầu này theo yêu cầu của bà N là có sai sót vì bà N là người không có quyền khởi kiện đối với yêu cầu này. Do đó Hội đồng xét xử thấy cần đình chỉ giải quyết yêu cầu này của bà N theo đúng quy định của pháp luật. Các bên xác lập hợp đồng ủy quyền vào ngày 17-01-2017 nên luật nội dung được áp dụng là Bộ luật Dân sự năm 2015. Vụ án thụ lý ngày 12-4-2017 nên pháp luật tố tụng áp dụng để giải quyết là Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lương Thị C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt.

[2] Về yêu cầu đòi lại tiền của nguyên đơn: Chứng cứ mà nguyên đơn và bị đơn cung cấp cung cấp là Giấy ủy quyền ngày 17-01-2017, Giấy ủy quyền không thể hiện ngày tháng và Văn bản hủy giấy ủy quyền ngày 10-3-2017 đã thể hiện, ngày

17-01-2017, giữa bà N và ông H có ký hợp đồng ủy quyền tại Văn Phòng Công chứng Dương Thùy Trang với nội dung bà N ủy quyền cho ông H thay mặt bà N nộp đơn khởi kiện, tham gia tố tụng để giải quyết tranh chấp về việc bà N khởi kiện yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Đăng T, hợp đồng thể hiện việc ủy quyền là không có thù lao. Tuy nhiên, các bên đều công nhận ngay sau đó giữa ông H và bà N cũng lập một hợp đồng ủy quyền khác thể hiện việc bà N ủy quyền cho ông H thay mặt bà N tham gia tố tụng giải quyết tranh chấp và việc ủy quyền là có thù lao và bà N đã giao cho ông H số tiền là 10.000.000 đồng như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông H và bà N lập hợp đồng ủy quyền có thù lao này là hoàn toàn tự nguyện, bà N không đưa ra chứng cứ nào để chứng minh rằng mình không tự nguyện giao kết hợp đồng này nên thỏa thuận trong hợp đồng này này thay cho nội dung các bên đã thỏa thuận trước đó tại Giấy ủy quyền ngày 17-01-2017 và các bên buộc phải thực hiện đúng nội dung mà mình đã tự nguyện thỏa thuận. Tại Hợp đồng ủy quyền này cũng đã ghi rõ nếu bên ủy quyền tự ý chấm dứt hợp đồng trước thời hạn mà không được bên nhận ủy quyền đồng ý thì sẽ không được nhận lại bất cứ khoản thù lao nào đã trả cho bên nhận ủy quyền và việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo hợp đồng này chứ không phải giấy ủy quyền được công chứng. Như vậy, bà N không có quyền đòi lại tiền thù lao đã thanh toán cho ông H nên Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N về việc buộc ông H phải trả lại tiền thù lao do nhận ủy quyền là 10.000.000 đồng.

[3] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 144, Điều 147, điểm a khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219, Điều, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 562, Điều 566, Điều 567 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Nguyễn Minh H phải trả lại lại cho bà Nguyễn Thị N số tiền nhận thù lao để thực hiện công việc theo ủy quyền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N về việc buộc ông Nguyễn Minh H phải công khai xin lỗi bà Lương Thị C vì bà Nguyễn Thị N không có quyền khởi kiện. Bà Nguyễn Thị N không có quyền khởi kiện lại vụ án đối với yêu cầu này.

Buộc bà Nguyễn Thị N phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000290 ngày 11 tháng 4 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai, bà Nguyễn Thị N còn phải tiếp tục nộp 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- Các đương sự;
- VKSND huyện Ia Grai;
- Lưu HSVA, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
**(ĐÃ KÝ)**

**Lê Văn Đính**